

PHẬT TỔ THỐNG KỸ

QUYỂN 2

Phần 2: ĐÀU SUẤT GIÁNG THẦN

Lời tựa đầu: Ngài Bốn Minh Pháp sư nói rằng: Như Lai thuở xưa ở thời Phật Đại Thông đã giảng lại kinh Pháp Hoa, tạo nhân Nhất thừa cho vô biên chúng sinh. Nhưng do có nhiều người thoái chuyển Đại thừa ham thích năm trần, Như Lai rất thương xót sợ họ bị đọa vào khổ đạo nên dùng Tiểu thừa để cứu độ, hoặc nói ba thừa để dẫn dắt họ. Nếu các thứ Đại Tiểu thừa này đã thuần thực thì có thể ở ngay đời này mà ngộ nhập vào Phật Thừa. Thế nên Đức Như Lai vì một việc này mà ra đời. Nhưng vì cơ duyên có khác nhau, cho nên ở một đời giáo hóa mà phân ra năm thời, người có cơ duyên thì có thể vào thẳng thật tế (cũng có người vào thật tế lòng vòng nhưng cả hai loại đều chín cùng một lúc), Hoa Nghiêm và Pháp Hoa nói về Đốn Giáo nhưng lợi ích cả hai cơ Biệt - Viên. Vì cơ này từ xưa đã thấu được Thắng Tướng. Nếu trong khoảng đó tụ tập thâm sâu Tiểu thừa thì dù ở đời này nhập vào một Phật thừa nhưng vẫn thuần thực Tiểu thừa trước. Cho nên vì căn cơ này mà hóa hiện thân hèn kém, trước nói Tam tạng đủ các ý điều phục thuần thực. Lại đến thời Pháp Hoa mới triển khai Phật tuệ. Cơ này trước nay chỉ thấy thân kém cõi của Phật. Cho nên Sư Thiên thai nói: Với tiểu cơ thì hiện thân Phật Tam tạng để nói pháp. Với đại cơ thì hiện thân Phật Xá-na để nói pháp. Thế nên khi giảng thần vào thai mẹ là hiện cả hai tướng. Nhưng sau Hoa nghiêm Đốn giáo mới hóa độ Tiểu thừa. Ví như với kẻ cùng tử khi tìm gặp thì không đến mà nói từ từ thì mới chịu lại. Đốn trước tiệm sau nghĩa ấy đã thành. Nay kẻ nào chột bảo: là Giảng thần vào thai mẹ liền hiện hai tướng. Thì Cần nên biết rằng các văn luận bàn thì Đốn trước Tiệm sau. Ấy bởi duyên hóa độ mà nói như thế. Nay lời nói này đều ứng hợp cả Đại Tiểu thừa, cùng hướng về Nhất thừa, mới thỏa đáng các cơ trước sau. Như phẩm Phương Tiện thật nghĩ rằng không có đại cơ nên có ý muốn dẹp việc hóa độ. Nhưng vì chư

Phật khuyến dụ nên mới mở ra pháp tiểu thừa Kế đấng mới nói rằng: Từ vô lượng kiếp đến nay ai khen ngợi pháp Niết-bàn sẽ dứt hẳn sinh tử, ta thường nói thế. Thế nên suy nghĩ về các cơ rồi sau mới nói Pháp Tiểu thừa. Những điều nói đây đều là nghi thức, không thể căn cứ vào đây để vấn nạn. Vì văn này xem khắp các cơ từ đầu đến cuối toàn là ý cứu độ muôn loài (và thọ ký cho). Nay xét điều luận bàn của hai Thánh thì tất biết Như Lai ra đời chỉ với tám tướng. Nếu từ cơ Đại thừa mà xét thì trước sau vẫn không thay đổi, không đâu không phải là Hoa Nghiêm. Còn từ cơ Tiểu thừa mà xét thì có đến Lộc uyển giáo hóa, các giáo pháp có thứ lớp trước sau, có chỗ gọi là Xá-na, có chỗ lại gọi là Thích-ca, một thể mà có hai tên ấy là do căn cơ không đồng. Vậy thì gặp cơ Đại Tiểu thừa mà nói ra có Đốn Tiệm. Cả năm thời thuyết giáo cùng hướng về Nhất thừa. Đây đều là Đức Như Lai tùy thuận theo cơ nghi khéo dùng phương tiện khiến nhập vào đạo Phật tuệ. Nay xin thuật lại.

Bồ-tát từ cung trời Đâu-suất khi sắp giáng thân thì có số bồ tát nhiều như vi trần của mười cõi phật cùng với Bồ-tát đồng nguyện đồng hành, cho đến các vị đều có đủ thần thông hạnh nguyện ngang hàng như ngài Phổ Hiền. Lại dùng thần thông hiện khắp cung trời Đâu-suất, trong mỗi mỗi cung điện đều hiện rõ hình ảnh thọ sinh ở cõi Diêm-phù-đề trong tất cả mười phương thế giới (theo kinh Hoa Nghiêm - Đây là tướng giáng Đâu-suất mà đại cơ thấy).

Gá thai mẹ

Lời tựa rằng: Đức Như Lai giáng thân vào thai mẹ, cả hai cách ứng hiện, nếu đại cơ thì thấy hiện trên Chiên-đàn lâu các, nếu tiểu cơ thì thấy là voi trắng sáu ngà. Nhưng đối với việc ứng Bản của Như Lai thì từ chưa hề có động, đây chỉ là tướng gá vào thai.

Bồ-tát từ cõi trời Đâu-suất ân rồi thì giáng sinh vào cung vua Tịnh Phạn ở nhân gian và hiện trên Chiên-đàn lâu các vào thai của Ma-gia phu nhân (kinh Hoa Nghiêm). Từ cung trời Đâu-suất giáng sinh đều là Pháp thân quyến thuộc, như đám mây mờ vây quanh trăng sáng cùng giáng sinh vào thai mẹ. Trong thai rộng rãi như hư không, Bồ-tát vẫn luôn tuyên nói diệu pháp (theo Diệu Huyền, đây là tướng gá thai mà đại cơ thấy).

Ở trong thai mẹ

Lời tựa: Kinh Hoa Nghiêm nói rằng: Đức Như Lai ở trong thai mẹ hiện ra cung điện rộng lớn, lại hiện đủ các việc như ở cung trời

Đâu-suất cho đến nhập Niết-bàn. Hoặc thấy ngài đang ở trong cung trời Đâu-suất cho đến thấy ngày nhập Niết-bàn. Đây là một tướng trụ thai mà thấy đủ cả tám tướng. Đây là điều mà Kinh Khê nói: Trong mỗi mỗi tướng đều có tám tướng.

Bồ-tát ở trong thai mẹ hiện ra cung điện to lớn đầy đủ mọi thứ trang nghiêm nhưng vẫn khiến thai mẹ luôn được an ổn. Khi nhập vào Thai mẹ rồi thì Bồ-tát tâm luôn chánh niệm, thị hiện đang ở cung trời Đâu-suất hoặc mới sinh ra làm đồng tử ở trong cung vua, rồi xuất gia tu khổ hạnh, thành đạo, chuyển pháp luân và nhập Niết-bàn. Hoặc có trường hợp như thấy Đức Phật đang thuyết pháp, hoặc thấy Phật đang ở tại cung trời Đâu-suất hoặc thấy ngài lại vào thai mẹ, hoặc thấy ngài mới sinh, hoặc thấy ngài xuất gia, hoặc thấy ngài thành đạo, hoặc thấy ngài chuyển pháp luân, hoặc thấy ngài nhập Niết-bàn (theo kinh Hoa Nghiêm, ngài Kinh Khê nói: Điều nói “Hoặc” tức trong mỗi mỗi tướng đều có tám tướng. Đây là tướng trụ thai mà đại cơ thấy).

Thị hiện giáng sinh

Lời tựa rằng: Việc gá thai để giáng sinh là thị hiện có đời sống giống người thường. Cho đến việc ra vào từ hông phải, đi bảy bước ở mọi hướng... thì khiến cho Đại Tiểu cơ có sự thấy khác nhau, đây là thị hiện tướng giáng sinh.

Phu nhân đưa tay vịn cành cây ở vườn Lâm-tỳ-ni mà sinh Bồ-tát, các chúng Thiên vương đều đem nước thơm cùng đến tắm gội cho (kinh Hoa Nghiêm). Lúc ngài mới sinh ra ngài đi bảy bước khắp mọi hướng (theo kinh Niết-bàn, đây là tướng giáng sinh mà Đại cơ thấy).

Xuất gia

Lời tựa nói: Kinh Hoa Nghiêm bảo rằng: Thân sau cùng của Bồ-tát dạy cho chúng sinh mãi bận bịu gia đình pháp lìa bỏ gia đình để thể hiện đời sống tự tại không bị lệ thuộc vào nó, nên tuyên dương công đức xuất gia là hơn hết. Đây chính là cái ý thị hiện xuất gia đó vậy.

Lại thấy có xuất gia đến đạo tràng rồi thành Đẳng chánh giác và ngôi tòa Sư tử (kinh Hoa Nghiêm, đây là tướng xuất gia mà Đại cơ thấy).

Thành Phật đạo

Lời tựa rằng: Kinh Hoa Nghiêm nói: Đạo tràng mới thành, đây là căn cứ vào thủy giáo Đại cơ mà nói không phải thật do Bản môn mà

thành, nay chính là Tích trong Tích vậy.

Bồ-tát ở Bồ-đề đạo tràng khi mới thành Bạc Chánh Giác (Kinh Hoa Nghiêm) bảo rằng: Ta ba mươi tuổi thành đạo hiệu Thích-ca Mâu-ni nhưng luôn ở đạo tràng tịch diệt mà ngồi tòa Kim cang Hoa vương để nói pháp (kinh Phạm Võng, Bảo Tạng Kinh, Vô Tướng Tam-muội kinh đều nói là ba mươi tuổi thành đạo). Khi đã thành đạo rồi thì các Phạm thiên đến mời thỉnh cúi xin Như Lai vì chúng sinh mà rộng mở cam lộ, nói pháp Vô thượng (kinh Niết-bàn, đây là tướng thành đạo mà Đại cơ thấy).

Hoặc thấy Bồ-tát ở tại cung trời Đâu-suất, nhập thai, xuất thai, thành đạo, hàng ma, chuyển pháp luân và nhập Niết-bàn (theo kinh Hoa Nghiêm, bản tân dịch thì Đại thừa có phần hàng ma, nay xếp vào trong mục thành đạo).

Lời thuật rằng: Từ xưa y theo Khởi Tín Luận trình bày tám tướng của Đại thừa thì có trụ thai mà không có hàng ma, nếu căn cứ theo Bốn-Giáo Nghĩa để trình bày tám tướng của Tiểu thừa thì có hàng ma mà không có phần trụ thai. Căn cứ vào hai văn lấy làm nòng cốt. Từ “ở cung Đâu-suất giáng sinh” cho đến thành đạo, hàng ma thì đều trước lấy Đại thừa, sau theo Tiểu thừa mà trình bày các tướng ấy. Nhưng trong phần chuyển pháp luân thì có nghĩa Đốn Tiệm của năm thời thuyết giáo là bao gồm cả hai Cơ Đại Tiểu thừa ở trong ấy. Ngài Diệu Tông nói rằng: Đức Phật ứng sinh ở ba cõi mà nói là Đồng cư, giáo hóa có trước sau cần bày rõ tám tướng với Đại cơ thì thấy tám tướng là khó nghĩ bàn, còn với Tiểu cơ thì thấy tám tướng có phần yếu kém là nghĩa này vậy.

Từ cung Đâu-suất giáng sinh

Khi Bồ-tát công hạnh đã đầy đủ liền chứng bậc Nhất sinh bổ xứ, sinh lên cung trời Đâu-suất gọi là Bạc Thánh Thiện, nói về hạnh bổ xứ cho các vua trời. Khi thời đến thì liền giáng sinh làm Phật và quán về năm việc:

1. Quán các chúng sinh đều do ta hóa độ từ khi phát tâm đến nay đã thuần thực, đều có thể nhận được diệu pháp.
2. Quán khắp cả đại thiên giới này thì nước Ca-tỳ-la trong cõi Diêm-phù-đề là nơi đáng sinh sống nhất (Hán dịch là Huỳnh Sắc (màu vàng) là nói bậc lập đức còn ở trong màu vàng)
3. Quán Thích-ca là người nối sau Thánh vương Cam Giá thứ nhất.
4. Quán vợ chồng vua Bạch Tịnh chân chánh đáng làm cha mẹ

(Bạch Tịnh hoặc gọi là Tịnh Phạn, tiếng Phạm gọi là Thủ-đồ-đà-na. Bản Hạnh Kinh nói đó có nghĩa là Tài đức vẹn toàn. Song ở các kinh khác thì chưa thấy nói Bạch Tịnh hay Tịnh Phạn là có nghĩa gì).

5. Quán Ma-gia phu nhân cứu mang Thái tử đủ mười tháng thì sinh, sinh xong sau bảy ngày thì mạng chung.

Quán các điều ấy xong rồi liền bảo các Thiên tử rằng: “Ta phải giáng sinh vào cung vua Bạch Tịnh, rồi bỏ luôn ngôi Luân vương, xuất gia học đạo thành bậc Nhất thiết chủng trí, chuyển đại pháp luân, làm lợi ích rộng lớn cho hàng trời người. Các ông đến lúc đó cũng nên cùng hội lại Các Thiên tử nghe xong liền tự nghĩ rằng không bao lâu Bồ-tát sẽ thành Chánh giác (theo kinh Nhân Quả, đây tướng giáng Đâu-suất mà Tiểu cơ thấy).

Gá thai mẹ

Lúc đó Bồ-tát cỡi voi trắng sáu ngà từ cung Đâu-suất ra đi (theo kinh Phổ Diệu nói là sao Phí giáng hạ hóa làm voi trắng. Kinh Thụy Ứng nói là hóa cỡi voi trắng sáng như mặt trời, sao Phí tức là sao Quỷ phóng ánh sáng lớn chiếu khắp mười phương, đứng vào ngày mồng tám tháng tư lúc sao mai mới mọc thì giáng thần vào thai mẹ (vào lúc hừng sáng nên gọi là sao mai mọc tức là sao quỷ). Lúc đó Ma-gia phu nhân đang ngủ ngon thấy có voi trắng sáu ngà bay từ trên không hạ xuống và chui vào hông hữu (kinh Phổ Diệu nói: Ở bên phải là việc làm không trái quấy). Khi thức dậy phu nhân bèn đem chiêm bao thuật lại cùng vua. Vua cho mời các Bà-la-môn đến đoán mộng. Họ tâu: Người con mà phu nhân mang thai ắt là bậc Chánh giác, nếu không xuất gia sẽ làm vị Luân vương. Phu nhân ngày càng tu hạnh sáu Ba-la-mật, trời cung cấp thức ăn uống, bà không còn ham thích chuyện nhân gian. Bấy giờ các chúng trời ở cung Đâu-suất nghĩ rằng: “Bồ-tát đã sinh ở cung vua Tịnh Phạn, chúng ta cũng nên hạ sinh vào nhân gian sẽ được nghe pháp trước. Do đó chúng trời hạ sinh số đông đến chín mươi chín ức người. Lại từ cỡi trời Tha hóa tự tại, xuống đến là trời BốnThiên vương lên đến trời Sắc giới cùng các quyến thuộc của họ đều cùng hạ sinh số đông không kể xiết (theo kinh Nhân Quả). Có một vị Thiên tử tên là Tốc Vãng đến các địa ngục lớn tiếng bảo rằng: “Bồ-tát đã từ cung trời Đâu-suất giáng thần vào thai mẹ, các người hãy mau phát nguyện cầu sinh vào cõi người.” Chúng sinh ở địa ngục nghe lời ấy rồi đều cùng nhìn nhau. Bỗng thấy ánh sáng chiếu xuống liền bỏ thân cõi địa ngục mà sinh vào cõi người. Lại khắp đại thiên thế giới những người từ xưa

đến nay đã gieo trồng thiện căn đều cùng đến thành Ca-tỳ-la mà thác sinh bốn phía thành Ca-tỳ-la (theo kinh Phật Bản Hạnh, đây là tướng giá thai mà Tiểu cơ thấy).

Ở thai mẹ

Bồ-tát ở trong thai mẹ đi đứng, nằm ngồi đều không chút trở ngại. Buổi sáng nói pháp cho chư thiên Sắc giới, buổi trưa cho chư Thiên cõi Dục, buổi xế cho các quỷ thần; ba buổi về đêm thì cũng giáo hóa chúng sinh như thế (kinh Nhân Quả, kinh này nói rằng: Trong sáu buổi của một ngày đi đứng, nằm ngồi đều nói pháp cho chư Thiên và các quỷ thần. Đây là văn nói về trụ thai của Tiểu thừa). Hộ Minh Bồ-tát bảo Thiên nhân Kim Đoàn rằng: Thuở xưa nhà nào mà Bồ-tát bổ xứ thác sinh thì phải có đủ sáu mươi công đức và ba đời đều thanh tịnh. Các ông nên vì ta mà hạ sinh xuống cõi Diêm-phù mà quán sát (Hộ Minh tức là Thánh Thiện).

Đời nhà Chu, vua Chiêu vương, năm đầu (năm Kỷ Sửu), Thủy Tổ của nhà tiền Chu là Hậu Tắc tên Khí, thích cày ruộng, vua Nghiêu đề cử làm Nông Sư, đến vua Thuấn phong cho đất Thai, hiệu là Hậu Tắc. Họ riêng là Cơ. Sau bốn đời nghe theo lời cha mà di cư về Châu Nguyên. Có con là Lý Lịch, làm Bá ở Ung Châu vào đời nhà Ân ở về phía Tây nên gọi là Tây Bá. Con của Lý Lịch là Xương nối nghiệp cha làm Tây Bá. Vua Trụ nhà Ân vô đạo, Tây Bá vâng mệnh trời xưng hiệu là Chu. Con của Xương là Phát đem binh diệt vua Trụ, lên ngôi Thiên tử hiệu là Võ Vương, truy tặng cho Tây Bá làm Văn Vương. Võ Vương có con là Tụng, tức Thành Vương. Con của Thành Vương là Chiêu tức Khang Vương, con của Khang Vương là Hà, tức Chiêu Vương, con của Chiêu Vương là Mẫn tức Mục Vương).

Thị hiện giáng sinh

Năm thứ hai mươi sáu (Giáp Dần). Theo Lưu Đạo Nguyên Thông Giám Ngoại Kỷ thì Chiêu Vương nguyên niên là năm Kỷ Sửu, đến năm hai mươi sáu là Giáp Dần. Nay các sách phần lớn đều nói là năm hai mươi bốn, nối nhau sai lầm.

Phu nhân mang thai gần mười tháng, cha là vua Thiện Giác sai sứ tâu cùng vua Bạch Tịnh rằng: “Con gái ta cứ mang Thánh thai oai đức rất lớn, e rằng sau khi sinh con thì con ta sẽ sống không bao lâu nữa, nay muốn rước về vườn Lâm-tỳ cho phỉ tình cha con.” Vua liền ra lệnh cho hữu ty sắm sửa đầy đủ nghi lễ để đưa hoàng hậu về cung vua cha

(theo kinh Phật Bản Hạnh). Lúc đó phu nhân liền lên xe báu trước sau có hộ vệ theo hầu đến thẳng vườn Lâm-tỳ-ni. Khi đã tròn mười tháng vào ngày tám tháng tư lúc mặt trời mới mọc (trước nói là ngày tám tháng tư giáng thai, nay lại nói tám tháng tư xuất thai, đều là theo kinh Nhân Quả. Nam Sơn nói giáng thai, xuất thai đều là ngày tám tháng tư vậy phải ở trong thai mười hai tháng. Nay theo văn kinh nói mười tháng đã đủ là căn cứ theo cách thọ thai của nhân gian mà nói. Nếu theo Phật Sở Hạnh Tán Kinh thì phải nói là sinh ngày tám tháng ba. Đây đều do người dịch dùng lịch của hai nước không giống nhau. Song kinh điển trong ngoài phần lớn đều nói là ngày tám tháng tư cả).

Phu nhân thấy cây Vô ưu hoa lá xinh tươi liền đưa tay phải lên muốn hái, thì Bồ-tát từ hông phải từ từ chui ra. Lúc đó dưới cành cây nơi Bồ-tát hạ sinh có bảy hoa sen báu to bằng bánh xe, Bồ-tát bước đi bảy bước trên bảy hoa sen, đưa tay hữu lên và nói bằng giọng Sư tử rống: “Ta là đáng tôn quý hơn hết trong hàng trời người.” (Kinh Thụy Ứng nói rằng: Đưa tay phải lên mà nói rằng: Trên trời dưới đất chỉ có riêng ta đáng tôn quý.” (Kinh Thiện Quyền nói vì ứng với bảy Giác chi nên bước bảy bước, đưa tay phải lên là hiện tướng muốn dẹp bỏ tính tự tôn của ngoại đạo). Lúc đó trời Bốn Thiên vương liền dùng khăn thêu trời tiếp đón Bồ-tát đặt lên ghế báu. Đế Thích cầm bảo cái, Phạm vương cầm phất trần trắng cùng đứng hầu hai bên, hai anh em Long vương Nan-đà ở trên phu nước sạch một vò ấm một vò mát để tắm Thái tử (theo kinh Phổ Diệu thì Đế Thích Phạm Vương mưa hương hoa, có chín rồng phun nước thơm tắm Thái tử), thân Bồ-tát sắc vàng ròng, có ba mươi hai tướng đẹp, phóng ánh sáng lớn chiếu khắp ba ngàn cõi, Thiên long bát bộ trở nhạc trên không trung khen kể công đức của Phật và rải hoa khắp nơi. Tất cả hàng trời người đều khen ngợi bậc chủng trí Phật đạo mau thành độ thoát chúng sinh. Chỉ có Ma vương thấp thỏm không thể ngồi yên trên ghế. Lúc đó các thể nữ dùng một bức khăn bông thêu để ẳm Thái tử mang đến phu nhân. Các người hầu trở về cung báo tin vui lên vua. Vua ra lệnh cử một đoàn gồm bốn loại binh (tượng, mã, xa, bộ) cùng hộ giá vào vườn xem việc lạ lùng mừng sợ lẫn lộn, vua sai người ẳm Thái tử để trên kiệu voi, cùng đoàn tùy tùng trở về hoàng thành vào ngay thái miếu, các hình tượng Phạm Thích đều đứng dậy đánh lễ và nói rằng: “Nay Thái tử đã là bậc tôn quý trong hàng trời người, vậy đâu nên đến đây lạ chúng ta!” Các quan mừng khen là lạ, bèn rước Thái tử vào cung vua. Lúc đó dòng họ Thích có năm trăm bé trai sinh cùng ngày, đám người hầu trong cung cũng có năm trăm bé

như thế. Còn voi ngựa trong cung cũng sinh voi trắng, ngựa trắng, trâu dê thì sinh con có năm sắc, mỗi thứ cũng có năm trăm con. Những kho tàng ẩn kín trong cung cũng tự nhiên hiện ra. Bao nhiêu thương nhân ra biển tìm châu đều trở về và dâng lên những châu báu quý lạ. Vua triệu vời hỏi các Bà-la-môn nên đặt tên gì cho Thái tử. Họ cùng tâu: Khi Thái tử sinh ra thì tất cả kho báu đều xuất hiện, tất cả mọi điềm ứng hiện đều tốt lành, vậy nên đặt tên là Tát-bà-tát-đạt (Hán dịch: Tất cả nghĩa đều thành hoặc là hoàn toàn tốt đẹp). Lúc đó cả tám vua có Thái tử sinh cùng ngày với Phật đều hết sức vui mừng, lựa đặt cho những tên rất đẹp (kinh Nhân Quả). Khi ấy người hầu trong cung cũng sinh con và đặt tên là Xa-nặc, ngựa trong chuồng sinh ra lúc ấy được đặt tên là Kiền trặc. Về sau vua bảo Xa-nặc theo hầu và cấp ngựa ấy cho ngài cỡi (kinh Thụy Ứng). Vua tìm hỏi năm trăm vị tướng số thông minh nhất bảo bói cho Thái tử. Các vị tướng số đều tâu: “Nếu xuất gia thì Thái tử sẽ thành bậc Nhất thiết chủng trí, nếu tại gia thì sẽ làm Chuyển luân vương.” Vị bốc sư lại thưa: “Có một vị Phạm thiên tên là A-tư-đà (Hán dịch là Vô Tỷ. Thụy Ứng Kinh gọi là A-di) có đủ cả năm thông hiện ở trong Hương sơn có thể giúp vua hết nghi.” Vua nghĩ đường xá hiểm trở, khó có người đến được. Tiên A-tư-đà ở xa nhưng biết được ý vua bèn bay đến cung thành. Xem tướng Thái tử xong ông buồn khóc bảo rằng: Tiếc rằng không bao lâu nữa ta sẽ mạng chung để sinh lên cõi trời Vô tướng, không thấy được Phật hoàng hóa và nghe được kinh pháp. Như có đủ ba mươi hai tướng hoặc không đúng chỗ hoặc không rõ ràng thì người này còn được làm Chuyển luân Thánh vương thay. Nay xem thấy Thái tử các tướng đúng chỗ lại rất rõ ràng thì chắc chắn Thái tử sẽ thành bậc Nhất thiết đức trí. Vua nghe Tiên nói sợ Thái tử xuất gia nên vội xây cung điện ba mùa trang suất đầy bảy báu, cửa thành khi đóng mở thì tiếng khóa khua vang xa đến bốn mươi dặm, lại cho năm trăm thể nữ túc trực hầu hạ trong cung. Có đủ các thứ hoa trái, chim lạ, suối tuôn ao tắm trong mát, cốt để vui mắt vui lòng Thái tử... Sau khi sinh được bảy ngày thì thân mẫu qua đời, vì việc cứu mạng Thái tử có công đức rất lớn nên bà được sinh lên cung trời Đao-lợi (Đại Quyền Kinh có nói: Bồ-tát khi ở cung trời Đâu-suất quán biết mạng sống của hoàng hậu chỉ còn được mười tháng bảy ngày, nên Bồ-tát giáng thần). Bảy giờ, Di mẫu là Ma-ha Ba-xà-ba-đề nuôi dưỡng Thái tử không khác mẹ ruột (kinh Nhân Quả). Đây là tướng giáng sinh được thấy theo hàng Tiểu cơ (Tiểu thừa).

Lời thuật rằng: Đức Như Lai giáng thần thị hiện tướng diệt độ. Việc ghi năm tháng các thuyết có lẫn lộn. Nay nói về nghĩa đúng, lấy

hai dị thuyết để phân biệt. Về nghĩa đúng có sáu điều:

1. Chu Thư Dị Ký có ghi: Ngày tám tháng tư năm Giáp Dần nhằm đời Chu Chiêu Vương thứ hai mươi bốn, có ánh sáng năm sắc chiếu khắp bầu trời trùm cả phương Tây. Quan thái sử Tô Điền nói rằng: Có Bậc Thánh Nhân sinh ra ở phương Tây (Tây Vực). Ngày rằm tháng hai năm Nhâm Thân nhằm đời Chu Mục Vương thứ năm mươi hai, vào sáng sớm thấy có mống trời dài mười hai đạo suốt từ Nam đến Bắc, quan thái sử Hồ Đa nói rằng: “Đó là tướng Bậc Đại Thánh nhân ở phương Tây qua đời.”

2. Trong Pháp Bản nội truyện ghi: Ngài Ma-đăng Pháp sư đối trước Hán Minh Đế nói rằng: Ngày tám tháng tư năm Giáp Dần thì Phật sinh ra, đây là ứng với năm thứ hai mươi bốn đời Chu Chiêu Vương.

3. Trong Ngụy Thư chép: Sa-môn Đàm Mô Tối nói rằng: Phật sinh ngày tám tháng tư năm Chu Chiêu Vương thứ hai mươi bốn và diệt độ ngày rằm tháng hai năm Chu Mục Vương thứ năm mươi hai.

4. Nam Nhạc Nguyễn Văn có nói: Đức Phật giáng sinh vào ngày tám tháng tư năm Giáp Dần.

5. Phụ Hạnh nói rằng: Đức Phật sinh vào cung vua Tịnh Phạn vào năm Giáp Dần đời Chu Chiêu Vương.

6. Vua Đường Thái Tông ra lệnh cho quan Thượng thư Lưu Đức Oai hỏi pháp với ngài Pháp Lâm Pháp sư rằng việc Đức Phật giáng sinh và nhập diệt vì sao thuật truyền trái nhau. Ngài Pháp Lâm luận chắc chắn rằng năm Giáp Dần đời Chu Chiêu Vương thì sinh và nhập diệt vào năm Nhâm Thân đời Chu Mục Vương.

Kế đến đây nói về Dị Thuyết có tám thuyết là:

1. Thạch Trụ Minh nói Phật sinh vào năm Ất Sửu đời Chu Hoàn Vương.

2. Pháp Hiển Pháp Sư truyện nói Phật sinh vào năm Giáp Ngọ năm Võ Ất nhà Ân.

3. Tượng Chánh Ký nói Phật sinh vào năm Mậu Tý đời Bình Vương.

4. Nam Sơn Cảm Thông Truyện thì Thiên Nhân nói Phật sinh vào đời vua Kiệt nhà Hạ.

5. Độ Luật Sư Chúng Thánh Điểm Ký nói Phật sinh vào năm Giáp Tuất đời Trình Định Vương.

6. Khai Hoàng Tam Bảo Sáu.

7. Vương Giản Thê Đầu-đà Tự Ký đều lấy hai đời Trang Vương của nhà Chu và nhà Lỗ. Thậm chí Cô Sơn cũng theo thuyết này. Phần

chú thích kinh BốnThập Nhị Chương lại lấy Tịnh Danh Sơ mà nói rằng: Đời nhà Chu, Phật ra đời có sao sa như mưa. Bởi căn cứ theo Thụy Ứng Kinh đã nói việc Sao Phí giáng trần hầu Phật. Tông Thiên thai chỉ nói Phật ra đời mà chưa hề chỉ định là đời vua Trang Vương, tuy có nói là “như mưa”, đây là mượn văn của Tả Truyện. Cô Sơn thì lầm nhận lời nói này bèn lấy hai đời Trang Vương mà giải thích. Đến nỗi ngài Tịnh Giác viết ký lầm nói là tông Thiên thai lấy hai đời Trang Vương. Song ngài Kinh Khê thì nói rõ là năm Giáp Dần đời Chu Chiêu Vương. Lúc đầu không có luận về hai đời Trang Vương, thế mới biết Dị Thuyết từ đây đã dứt.

Nếu muốn hiểu thuyết đồng “như mưa” của Tả Truyện thì như kinh Văn-thù Bát-niết-bàn có nói: Sau khi Phật diệt độ được hai trăm năm mươi năm, ngài Văn-thù đến Vân Sơn hóa độ cho năm trăm Tiên nhân, xong rồi trở về Bản quốc phóng ánh sáng lớn chiếu khắp thế giới mà nhập Niết-bàn, từ Chiêu Vương đến Trang Vương đúng là hai trăm năm mươi năm, ứng nghiệm với điều sao Hằng chính là đây vậy (Tả Truyện nói năm thứ bảy đời Lỗ Trang Công thì không thấy sao Hằng đâu nữa, sao sa như mưa đúng vào năm Chu Trang Vương thứ mười). Lại Cô Sơn Thùy Dụ Ký thì y theo lịch nhà Chu lấy tháng mười một Kiến Tý là Tháng giêng, vậy nói tháng tư thì bây giờ là tháng hai. Nay căn cứ vào các kinh Nhân Quả, Thụy Ứng và Bản Hạnh thì đều nói là ngày tám tháng tư. Pháp Bản Nội Truyện và Ngụy Thư cũng nói là mồng tám tháng tư. Ba kinh ấy không phải dịch vào đời Chu, hai sách kia cũng không phải ở đời Chu nên biết không phải nói tháng giêng là Kiến Tý vậy. Bởi từ đời Hán Võ Đế mới đổi tháng Dần là tháng giêng, đến nay vẫn noi theo mà dùng. Việc các kinh Truyện nói là tháng tư thì không nhầm lẫn, vậy không nên căn cứ vào lịch nhà Chu xa xưa mà đổi là tháng hai. Đây là tóm tắt các danh nghĩa đã phiên dịch, nay lại nêu thêm nhiều đoạn văn để làm chứng, để làm sáng tỏ Dị Kiến của người xưa vậy.

Năm Chu Chiêu Vương thứ hai mươi bảy (Ất Mão) trước là nói lúc Thái tử sinh ra thì bước đi bảy bước và nói “Chỉ riêng ta là bậc tôn quý”, nói xong rồi nín thình trở lại như đứa bé mới sinh, không đi không nói, được các mẹ nuôi nấng lớn lên dần dần theo (Trí Độ Luận).

Năm Chu Chiêu Vương thứ hai mươi tám (Bính Thìn), năm thứ hai mươi chín (Đinh Tỵ), năm thứ ba mươi (Mậu Ngọ), năm thứ ba mươi mốt (Kỷ Mùi), vua làm cho Thái tử những xe voi, ngựa, trâu, dê và các đồ chơi trẻ em, nhân dân cả nước làm các việc nhân từ, ngũ cốc dồi dào,

thời tiết đúng mùa, ấy đều là do phước đức của Thái tử. Lại Xa-nặc và năm trăm đứa trẻ do bọn người hầu sinh ra được đem cho hầu hạ Thái tử (theo kinh Nhân Quả).

Năm Chu Chiêu Vương thứ ba mươi hai (Canh Dần), Thái tử đã được bảy tuổi. Vua cho Thái tử đi học. Vua hỏi tìm các bậc thông minh trong nước thì có một vị Bà-la-môn tên là Tuyển Hữu, vua xây dựng trường học, đóng bàn ghế, học cụ. Thái tử hỏi thầy có bao nhiêu loại. Thầy lặng im không đáp, lòng rất hổ thẹn bèn sụp lạy Thái tử xin ngài nói cho sách vở cõi Diêm-phù-đề có mấy loại? Thái tử đáp rằng: Hoặc loại Phạn Thư sách bà la môn hoặc sách Khư Lôu sách của tiên lữ thần có sáu mươi bốn loại sách như thế (theo kinh Phật Bản Hạnh thì khi Thái tử được tám tuổi đi học, thầy là Tỳ-xa-đa-la. Có sáu mươi bốn sách trong đó có sách ĐỀ-bà là trời, sách Na-già là Rồng, sách nước Chi-na là đời Đại Đường. Những thứ đó có đủ cả trời, đất, tám bộ, bốn châu và các sách về tiếng các loài chim thú...). Thầy dạy bèn tâu cùng Bạch Vương rằng: “Thái tử là bậc Thầy của hàng trời người thì tôi đâu thể dạy ngài được.” Vua nghe tâu rất mừng. Các thứ như về Kỹ nghệ, Điển tịch, Thiên văn, Địa lý, Toán số, xạ ngự... Ngài đều tự nhiên biết rõ (kinh Nhân Quả).

Khi đó vua muốn dự bị việc nối ngôi của Thái tử nên dạy ngài về phép binh nhung chinh chiến. Lại tạo ra một ngự uyển đặt tên là Lặc-cù, để ngài cùng hơn năm trăm bạn dòng họ Thích vào đó vui chơi. Học về tất cả sách vở trong vòng bốn năm ngài cùng các bạn dòng họ Thích thấy đều thông hiểu (Phật Bản Hạnh Kinh).

Năm Chu Chiêu Vương thứ ba mươi ba tân dậu. Thái tử đang ở ngự uyển chơi bắn cung. Có một con nhạn bị ĐỀ-bà-đạt-đa bắn rơi xuống khu vườn ấy, ngài liền nhổ mũi tên lấy mật sữa bó vết thương cho chim. Đạt-đa sai kẻ hầu sang tìm, đòi trả ngay chim nhạn. Thái tử đáp rằng: “Ta phải bảo vệ chim nhạn này Từ khi phát tâm Bồ-đề đến nay ta đều hứa bảo vệ cho tất cả chúng sinh, huống là không giữ lại để bảo vệ chim nhạn này sao?” Thế là kết oán thù với Đạt-đa từ đấy (theo Phật Bản Hạnh Kinh).

Năm Chu Chiêu Vương thứ ba mươi bốn (Nhâm Tuất). Năm thứ ba mươi lăm (Quý Hợi) Thái tử được mười tuổi. Vua tìm người giỏi nghề bắn cung nhất nước đến dạy cho Thái tử. Thầy đưa một cung nhỏ bảo Thái tử bắn vào trống sắt, Thái tử phải dùng đến cung thứ bảy to chắc nhất để bắn một mũi tên xuyên cả bảy lớp trống sắt. Thầy dạy tâu vua rằng: Thái tử đã tự biết bắn cung đâu cần bảo thần phải dạy nữa. Vua

mừng rỡ đánh trống ban lệnh: “Trong bảy ngày nữa Thái tử sẽ thi tài võ nghệ ở ngự uyển.” Đê-bà-đạt-đa tiên tới ra khỏi thành. Lúc đó có chú voi to đang đứng án cửa thành, Đê-bà-đạt-đa là người đầu tiên dùng tay đánh vào đầu voi, voi liền quy xuống. Dân chúng lũ lượt lách mình bước qua cửa thành. Nan-đà đến sau liền lấy chân hất một cái, voi văng qua bên lề đường Thái tử tiếp đó nâng voi lên ném qua ngoài thành, lại dùng tay đỡ voi, khiến voi không hề hấn và tỉnh lại. Bấy giờ dân chúng khen ngợi là việc chưa từng có. Khi đến ngự uyển, người trước nhất là Đạt-đa đã bắn lủng ba lớp trống vàng, Kế đến đến Nan-đà cũng bắn xuyên qua ba trống. Đến phiên Thái tử cho là cung qua yếu, liền bảo mở kho lấy cung báu của nội tổ ra, Thái tử bắn một mũi tên thủng cả bảy lớp trống, khi tên hạ xuống đất lại xuyên qua một giả sơn bằng sắt ở trong vườn. Lúc đó Đê-bà-đạt-đa cùng Nan-đà thí võ, hai người sức ngang nhau chưa ai thắng ai, Thái tử bèn đưa tay lôi cả hai té xuống đất. Thái tử chỉ dùng sức nhẹ để không gây thương tích (theo kinh Nhân Quả).

Năm Chu Chiêu Vương ba mươi sáu (Giáp Tý), năm thứ ba mươi bảy (Ất Sửu), năm thứ ba mươi tám (Bính Dần), năm thứ ba mươi chín (Đinh Mão), năm thứ bốn mươi (Mậu Thìn) Thái tử được mười lăm tuổi, nhà vua tập họp quần thần và các Tiểu vương, Bà-la-môn... đều có mặt. Vua ra lệnh đến ngày tám tháng hai đem bình bảy báu đựng đầy nước bốn biển. Ai nấy đều đội trên đầu kính dâng lên vua để làm lễ quán đảnh cho Thái tử, lại trao cho ngài ấn bảy báu, lập ngài làm Thái tử. Lúc đó vua tám nước cũng cùng lập Thái tử cho nước mình (kinh Nhân Quả).

Năm Chu Chiêu Vương thứ bốn mươi một (Kỷ Ty), Thái tử xin vua cha đi dạo chơi. Trước đến thăm ruộng vua, nghỉ ngơi dưới gốc cây Diêm-phù để xem người dân cày ruộng. Khi đó trời Tịnh cư hóa làm cơn trùng bị chim mổ bắt, thấy xong Thái tử rất buồn thương bèn suy tư và chứng được Bốn Thiên (kinh Nhân Quả). Vua đi tìm thì thấy Thái tử đang ngồi dưới gốc cây, các bóng cây đều nghiêng theo mặt trời, còn bóng cây này không lệch và che mát Thái tử, giống như giữa lớp mây mù mà chợt thấy trăng sáng (Bồ-tát Bản Hạnh Kinh).

Năm Chu Chiêu Vương thứ bốn mươi hai (Canh Ngọ), Thái tử được mười bảy tuổi (theo Bản Hạnh Kinh thì mười chín tuổi cưới vợ). Có vị Bà-la-môn dòng họ Thích tên Ma-ha Na-ma có người con gái tên là Gia-du-đà-la, nhan sắc đoan trang thông minh hơn người, vua cha bèn sai sứ đến đón về phong làm phi cho Thái tử. Thái tử thường

tu thiền quán chưa từng cùng phi chấn gối (kinh Nhân Quả). Thái tử có ba người vợ, người thứ nhất tên là Cự-di, người thứ hai là Gia-duy-đàn (bốn là Gia-du), người thứ ba là Lộc Giả. Vì có ba vợ nên xây cung điện ba mùa, trong điện có hai vạn thể nữ theo hầu (theo kinh Thập Nhị Du, Văn Cú nói rằng: Kinh Vị Tăng Hữu và Thụy Ứng đều nói là La-hầu là con của Cự-di. Kinh Pháp Hoa và Niết-bàn đều nói là con của Gia-du, hai thuyết thì thuyết nào đúng? Hoặc kinh kia nói về cha mẹ, kinh này thì nói về nơi sinh. Thích Luận rằng Cự-tỳ-gia là gái báu, không mang thai là Cự-di, nên biết chắc chắn là con của Gia-du. Thụy Ứng Kinh thì nói mười bảy tuổi cưới vợ).

Năm Chu Chiêu Vương thứ bốn mươi ba (Tân Mùi), Thái tử xin phép vua cha đi dạo chơi vườn rừng. Đoàn tùy tùng hộ vệ Thái tử ra cửa thành hướng Đông. Khi đó trời Tịnh cư hóa thành ông lão tóc bạc lưng còng. Thái tử thấy rồi liền trở về cung sầu lo không vui, tự nghĩ rằng tuổi già đến nhanh như điện chớp riêng ta đâu khỏi được, thế sao người đời lại không sợ? Một hôm khác Thái tử lại ra cửa thành phía Nam dạo chơi, trời Tịnh cư lại hóa làm người bệnh thân gầy bụng to không thể đi đứng được. Thái tử tự nghĩ bệnh khổ như thế kia làm sao chẳng sợ, liền quay xe trở về cung. Ít lâu sau Thái tử lại ra cửa thành phía Tây dạo chơi. Trời Tịnh cư lại hóa làm thầy chết, bốn người khiêng xác người nhà theo sau khóc lóc. Thái tử bảo quan Ưu-đà-di rằng: Thế gian lại có sự khổ này, sau lại ở đó mà buông lung, liền ra lệnh quay xe trở về. Lần cuối cùng là ra cửa Bắc thành dạo chơi. Trời Tịnh cư hóa làm một Tỳ-kheo, mặc ca-sa ôm bát tay cầm tích trượng. Thái tử hỏi: Ông là người gì? “Ta là Tỳ-kheo tu học đạo Thánh dứt hẳn vô vi”, nói xong liền bay lên hư không mà đi mất. Thái tử dốt ngựa trở về cung, tự nghĩ rằng: Ta trước đây đã thấy có các khổ già bệnh chết, luôn sợ bị các thứ ấy bức bách. Nay gặp được vị Tỳ-kheo đã khai ngộ lòng ta chỉ cho đường giải thoát, liền suy nghĩ tìm cách xuất gia (kinh Nhân Quả, kinh Thụy Ứng nói rằng: Mười bốn tuổi dạo chơi bốn cửa thành. Còn Bản Hạnh Kinh thì nói: Thái tử hỏi: Ông là người gì? Đáp rằng: Ta là Sa-môn đệ tử Phật. Hỏi: Sa-môn tên gì? Đáp rằng:

*Ba cõi rồi rấm
Sáu thú tối tăm
Biết tâm thấu gốc
gọi là Sa-môn).*

Năm Chiêu Vương thứ bốn mươi bốn (Nhâm Thân), năm thứ bốn mươi lăm (Quý Dậu), năm thứ bốn mươi sáu (Giáp Tuất), năm thứ bốn

mười bảy (Ất Hợi), năm thứ bốn mươi tám (Bính Tý), năm thứ bốn mươi chín (Đinh Sửu).

Xuất gia

Năm Chiêu Vương thứ năm mươi (Mậu Dần) Thái tử được hai mươi lăm tuổi. Diệu Lạc nói rằng: Nếu mười chín tuổi xuất gia thì hai mươi bốn thành đạo, nếu ba mươi tuổi thành đạo thì hai mươi lăm tuổi xuất gia. Căn cứ theo kinh Bảo Tạng thì hai mươi lăm tuổi xuất gia, ba mươi tuổi thành đạo. Lời ngài Kinh Khê nói nên hợp theo đây).

Thái tử đến chỗ Phụ vương lạy và thưa rằng: Có thương yêu tu hợp tất có lúc chia lìa vậy cúi mong Phụ vương cho con được xuất gia học đạo. Vua cầm tay con rơi lệ bảo rằng: “Nước chưa có người nối ngôi, thôi con hãy dẹp bỏ ý định ấy đi.” Lúc đó có vị Bốc sư tâu vua rằng: “Nếu Thái tử không xuất gia thì bảy ngày sau nên làm Chuyển luân Thánh vương.” Vua nghe tâu rất mừng, liền cắt đặt ở mỗi cửa thành có cả ngàn người canh gác cẩn mật. Vua bảo Thái tử: “Lúc xưa ta nghe tiên A-tư-đà nói con nhất định không chịu sống ở thế gian, vậy nếu con sinh cho ta một bé trai thì ta sẽ chấp nhận lời con.” Thái tử liền lấy tay mặt chỉ vào bụng vợ, vợ liền biết mình có thai (Thụy Ứng Kinh nói rằng: Thái tử chỉ tay vào bụng vợ bảo rằng: Sáu năm nữa nàng sẽ sinh trai).

Ngày bảy tháng hai lòng nghĩ việc đi xuất gia, thân phóng ánh sáng chiếu khắp các cung trời, chư Thiên đều biết giờ xuất gia của Thái tử đã đến, liền cùng đến lạy ngài bạch rằng: Hạnh nguyên tu hành từ vô lượng kiếp đến nay đã chín mùi. Thái tử đáp rằng: Đúng như lời các ông nói, nhưng phụ vương ta đã cho trong ngoài canh phòng nghiêm mật, muốn đi rất khó. Chư Thiên liền dùng thần lực khiến các đội canh phòng đều ngủ. Say không hay biết Còn Gia-du thì nằm mộng thấy ba điềm:

1. Mặt trăng rơi xuống.
2. Các răng đều rụng.
3. Mất cánh tay phải.

Nàng thức dậy và thuật lại đầy đủ. Thái tử bảo: Trăng vẫn còn đó, răng vẫn như xưa, cánh tay nguyên vẹn, nên biết đấy chỉ là mộng mị không thật. Đến giữa khuya thì chư Thiên lại thưa: Trong ngoài mọi người đều ngủ say, nay đã đến lúc. Thái tử liền gọi Xa-nặc bảo dắt Kiền trắc lại. Xa-nặc khóc lóc thưa giờ này đâu phải lúc dạo chơi, giữa khuya sao lại bảo dắt ngựa đến, bèn cất tiếng khóc lớn cốt ý muốn mọi

người trong cung đều hay, nhưng do sức Thiên thần nên họ đều say ngủ. Xa-nặc dắt Kiên trắc đến thì chư Thiên cùng nâng bốn chân ngựa và Xa-nặc lên, trời Đế Thích che lọng cùng tiến ra cửa thành phía Bắc. Cửa thành tự mở toang không một tiếng động. Đi mãi đến lúc trời sáng thì đã được ba du-xà-na (tức ba do-tuần). Chư Thiên giúp việc xong liền biến mất. Khi đến rừng khổ hạnh của tiên Bạt-già đang tu thì thái tử xuống ngựa, bảo Xa-nặc rằng: Ta bỏ kinh thành đến chỗ yên vắng, nay người và Kiên trắc hãy trở về. Xa-nặc khóc vui, Kiên trắc liếm chân Thái tử mà nước mắt như mưa. Thái tử liền đến chỗ Xa-nặc rút kiếm bẩy báu cắt ngang mái tóc phát lời nguyện rằng: “Nguyện cùng dứt hết tất cả phiền não và tập chướng.” Đế Thích đón nhận tóc và khen lành thay! Khi ấy trời Tịnh cư hóa làm một thợ săn mình mặc áo ca-sa. Thái tử nhìn thấy liền bảo: Áo nhà người mặc là áo Tịch tịnh, người mặc áo ấy sao lại làm việc tội lỗi. Ta muốn đem áo bẩy báu đang mặc đây đổi lấy được chăng? Thợ săn đáp: Được. Thái tử liền cởi áo đưa cho người thợ săn rồi mặc áo ca-sa vào. (Đại Luận nói: Áo đổi được chính là áo Tăng-già-lê vải thô xấu). Bấy giờ, trời Tịnh cư hiện lại thân Phạm thiên và bay lên hư không. Khi ấy Xa-nặc dắt Kiên trắc đang hí vang thảm thiết men theo đường cũ trở về. Tiên Bạt-già khi mới nhìn thấy Thái tử từ xa cho là Thiên thần liền cùng học trò ra mời ngồi. Thái tử hỏi Tiên nhân rằng: Ngài tu khổ hạnh để cầu điều chi? Đáp rằng: Cầu được lên trời. Thái tử nói: Ngài tu nhân khổ để cầu báo khổ rốt cục không lìa khổ. Bàn nói qua lại xong đến sáng thì từ giã ra đi. Xa-nặc dắt Kiên trắc trở về hoàng cung tâu rõ mọi việc cùng vua vua nặng lòng thương nhớ, liền sai quan Thái sử tìm đến chỗ tiên Bạt-già để biết. Tiên bảo họ đã đi đoàn người tiếp tục đi trên đường đi từ xa thấy Thái tử đang tĩnh tọa suy tư dưới một gốc cây. Vị đại thần đến bên kể hết nỗi lòng vua cha. Thái tử đáp: Đâu phải ta không nhớ ân sâu, nhưng chỉ vì muốn cứu khổ bốn nạn sinh lão bệnh tử mà thôi. Nay ta nhất quyết không trở về. Vị đại thần bèn để lại năm vị Kiều-trần-như... để ngâm giúp đỡ Thái tử. Lúc đó Thái tử sang phía Bắc sông Hằng (theo Tây Vực Ký thì nên nói sang phía Nam). Trên đường đi ngang qua thành Vương xá. Vua Tần-bà-ta-la (theo Thụy Ứng Kinh thì nói là Bình-sa vương) nghe Thái tử đến muốn bỏ ngôi xin theo hầu. Thái tử bảo vua: Nay đối với thân mạng tài sản nên tu ba pháp bền chắc, không nên đem pháp không bền chắc dạy người khác. Rồi từ biệt vua, vua liền bảo: Khi ngài thành đạo xin độ tôi trước. Thái tử tiếp tục đi về phía trước, đến chỗ Tiên nhân A-la-la, nghe vị này nói là đã được Sơ thiên cho đến nhập định Phi tướng phi phi

tưởng xứ gọi là giải thoát. Nhưng Thái tử biết đó vẫn chưa rốt ráo, liền từ biệt Tiên nhân. Kế đến đó đến chỗ của Ca-lan bàn luận vấn đáp cũng thấy như thế. Sau khi điều phục được hai Tiên nhân trên, Thái tử đến rừng Khổ hạnh ở núi Già-xà cùng ở chung với bọn năm ông Kiều-trần-như. Bên bờ sông Ni liên thiên, ngài ngồi tĩnh tọa suy nghĩ rằng phải tu khổ hạnh sáu năm để độ chúng sinh (kinh Nhân Quả). Thiên thần dâng cơm ngài nhất định không nhận, chừ Thiên bèn khiến mọc quanh ngài lúa mè, mỗi ngày ngài dùng một hạt lúa một hạt mè để nuôi dưỡng tinh khí. Ngài ngồi tĩnh tọa suốt sáu năm hình thể gầy đét một tâm vắng lặng suy tư về an ban (muốn dẫn tư tưởng an trụ vào Niết-bàn thì nên tu Sáu diệu môn thiên này. Nên Pháp Giới Thứ Đệ nói rằng: Ba thứ trước là định, ba thứ sau là tuệ. Ham thích tuệ quán sát thì có thể phát ra Chân Minh mà lìa hẳn sinh tử. Về Diệu môn thì Niết-bàn là Diệu, còn môn là thông suốt, vì sáu pháp này thông nhau thì có thể đạt đến Niết-bàn Chân diệu, nên gọi là Diệu môn). Sáu Diệu môn thiên là:

1. Sổ tức (là giữ tâm theo hơi thở từ một đến mười, gọi là Sổ).
2. Tùy tức (là tế tâm nương theo hơi thở, biết thở ra hít vào).
3. Chỉ (dứt tâm suy nghĩ nên gọi là Chỉ).
4. Quán (là phân biệt chỗ chứng nên gọi là Quán).
5. Hoàn (là chuyển tâm phản chiếu, nên gọi là Hoàn).
6. Tịnh (tâm không chỗ nương sóng vọng động lặng mất. gọi là Tịnh).

Để tâm nơi Chỉ Quán, thở ra hít vào hai môn thần thông vi diệu, ý không phân tán (Thụy Ứng Kinh).

Thái tử ngày ăn một hạt mè, hạt gạo, hoặc bảy ngày mới ăn một lần, năm ông Kiều-trần-như kính hầu Thái tử, sai người báo tin cho Bạch Tịnh vương biết đủ mọi việc khổ hạnh. Vua cha, Di mẫu và Gia-du cùng sắm đủ năm trăm xe lương thực đồ dùng khiến Xa-nặc đem dâng, nhưng Thái tử đều từ chối không nhận (kinh Nhân Quả, từ đây trở về trước là tướng xuất gia mà Tiểu cơ nhìn thấy).

Lời thuật rằng: Theo các kinh Thụy Ứng, Nhân Quả, Trung Bản Khởi và Đại Luận thì đều nói mười chín tuổi xuất gia, mười hai tuổi dạo chơi. Còn bốn kinh A-hàm là Tăng Nhất, Trung Tạp, Trường, kinh Xuất Diệu và Tu Mật Luận thì đều bảo là hai mươi chín tuổi xuất gia. Vậy phải theo ai? Nay cứ kể tuổi thọ của Như Lai là tám mươi, trừ năm mươi năm hồng pháp thì nhất định phải theo các kinh Phạm Võng, Vô Tướng Tam-muội và Bảo Tạng... nói ba mươi tuổi thành đạo. Nếu lấy ba mươi tuổi thành đạo trừ đi sáu năm tu khổ hạnh thì nhất định phải

theo ngài Kinh Khê nói hai mươi lăm tuổi xuất gia. Đem hợp với thuyết của kinh Bảo Tạng... nêu trên mà định trước sau thì có hai việc để làm chứng:

1. Sáu năm tu khổ hạnh sau khi xuất gia đến năm thành đạo thì số năm rất khớp.

2. Khi sắp xuất gia Thái tử chỉ bụng vợ nói sáu năm sau nàng sẽ sinh con trai.

Đến năm thành đạo thì quả nhiên sinh ra La-hầu. Kinh Hiền Ngu nói: Xuất gia tu đạo, sáu năm khổ hạnh mà được Nhất thiết trí. Còn kinh Vị Tăng Hữu thì nói: Thái tử trốn đến vùng núi đầm sáu năm cần khổ, chứng quả Phật rồi trở về nước. Kinh Phổ Diệu thì nói: Vua cha nghe tin Thái tử chứng quả Phật đến nay đã sáu năm, liền sai Ưu-đà-da đến thỉnh Phật rằng: “Cách biệt suốt mười hai năm nay.” Lại nói: Đức Phật trở về nước vào cung ngôi trên tòa thì La-vân đến vấn an. Quần thần đều nghi: Thái tử đã bỏ nước ra đi đến nay mười hai năm vì sao lại có con. Văn của các kinh ấy đều nói là xuất gia và sáu năm khổ hạnh rồi thành đạo, lại trải qua sáu năm sau mới trở về nước. Xét ngược lại thì phải lấy hai mươi lăm tuổi làm năm xuất gia. Còn Tụng Cô Sơn thì nói năm tuổi đi dạo chơi thì lời nói này không bằng cứ. Thần Trí Bộ Chú, Bi Luận có dị đồng vậy xin hãy lấy lời ngài Kinh Khê làm chính.

Năm Chu Chiêu Vương thứ năm mươi một (năm Kỷ Mão). Năm đầu Chu Mục Vương (con của Mãn Chiêu Vương năm thứ nhất (năm Canh Thìn)). Năm Mục Vương thứ hai (Tân Ty) Hàng Thiên Ma, năm Mục Vương thứ ba (Nhâm Ngọ). Năm Mục Vương thứ tư (Quý Mùi). Thái tử tự nghĩ: “Ta tu khổ hạnh đã tròn sáu năm nếu lấy thân gây ốm này để chứng đạo quả, thì các ngoại đạo sẽ cho rằng dối làm nhân cho Niết-bàn, vậy ta phải ăn sau đó mới thành đạo.” Ngài liền đến sông Ni liên thiên để tắm rửa. Lúc đó bên ngoài khu rừng có một cô gái chăn bò tên là Nạn-đà-bà-la, do trời Tịnh cư đã hiện xuống báo trước: “Nàng nên cúng dường.” Cô gái nghe xong rất đổi vui mừng, lại thấy từ đất mọc lên giống sen ngàn cánh, trên cánh sen có cháo sữa, liền lấy dâng lên. Thái tử chú nguyện rồi thọ thực, khí lực lại đầy đủ (theo Phật Bản Hạnh Kinh thì có hai cô con gái của chúa thôn Thiện sinh là Nạn-đà và Bà-la chăn cả ngàn con bò cái để lấy sữa uống. Nàng vắt sữa lần lượt đến mười lăm con, nấu đặc rồi đem dâng cho Bồ-tát. Lại có Long nữ dâng tám đệm trời quý đẹp để ngài ngồi. Ngài tùy ý ăn no thân thể đầy đặn dung nhan đẹp đẽ như xưa. Kinh Phổ Diệu nói: Long nữ dâng cho ngài tòa ngồi quý đẹp). Xong ngài liền đến rừng cây Tát-la phát nguyện

rằng: “Ta ngồi dưới cây này nếu không thành đạo quyết không đứng dậy.” (Các kinh phần lớn đều nói là cây Bồ-đề, đây dịch là Đạo, ý nói ngồi dưới cây này mà thành đạo vậy, thật ra cây ấy tên là Tất-bát-la). Ngài lại suy nghĩ “Chư Phật quá khứ dùng cỏ làm tòa ngồi mà thành đạo Vô thượng.” Thích Đề-hoàn Nhân liền biến thành người phàm đem cỏ mềm sạch đến trước Bồ-tát. Ngài hỏi: Người tên gì? Đáp tên Cát Tường. Bồ-tát mừng bảo: “Ta phá điều xấu để thành Cát Tường”, bèn trải cỏ làm tòa rồi ngồi kiết già, lại tự thề rằng: “Nếu không thành Chánh giác không rời khỏi tòa này (kinh Nhân Quả). Khi Phật còn là Thái tử xuất gia cầu đạo, vua cha Tịnh Phạn sai năm người họ Thích theo hầu hạ ngài:

1. Kiêu-trần-như (Hán dịch là Hỏa Khí).
2. Thập Lực Ca-diếp (cũng gọi là Bà Phu) là bà con bên mẹ, hai người này chấp năm dục lạc. Khi thấy Thái tử bắt đầu ăn lại cháo sữa thì không chấp nhận nên bỏ đi.
3. Át Bệ (Hán dịch là Mã Thắng).
4. Bạt Đề (Hán gọi là Tiểu Hiền là con thứ của vua Cam Lộ).
5. Ma-ha-nam Câu-lợi (là con vua Học Phạn, năm người này tên gọi không đồng. Nay theo văn của năm quyển đã trích thì cùng luận này không khác).

Ba người này là bà con bên cha, họ chấp khổ hạnh là tịnh hạnh. Thái tử sau đã biết không phải đạo, bèn bỏ không theo mà ăn cháo sữa, ba người này bảo là ngài điên cuồng mất chí cả nên cũng bỏ đi (Tân-bà-sa Luận, kinh Nhân Quả ở phần Bốn Giáo Nghi thì nói hàng ma trước, thành đạo sau. Kinh Hoa Nghiêm thì nói trước thành đạo, sau hàng ma. Diệu Lạc bảo hàng ma xong liền chuyển pháp luân. Đây là chỗ thấy của Đại tiểu cơ nên có khác. Nay theo văn nói là hàng ma xong thì nhập định. Khi sao Mai mọc thì hóa nhiên đại ngộ, vậy phải lấy việc hàng ma là trước).

Lúc bấy giờ cung điện của Ma vương tự nhiên rung động. Ma vương tự nghĩ: Cù-đàm sẽ thành Chánh giác, vậy ngay lúc chưa thành đạo hãy đến phá hoại. Do đó tay cầm cung tên cùng các quyến thuộc tụ hội dưới gốc cây bảo Bồ-tát rằng: “Người nên tu pháp Chuyển luân vương, hãy dẹp đi pháp xuất gia. Nay nếu không đứng dậy ta sẽ bắn người.” Bồ-tát vẫn điềm nhiên không kinh động. Ma vương bèn giương cung bắn tên, tên đều lơ lửng trên không trung, các mũi nhọn rơi xuống đất đều hóa thành hoa sen. Ma vương lại sai ba cô gái bạch cùng Bồ-tát rằng: Này Nhân giả chí đức! Chúng tôi nguyện theo hầu hai bên ngài.”

Bồ-tát đáp: “Các người gieo trồng ít thiện căn nên được làm Thiên nữ, không nghĩ nhớ việc vô thường mà lại làm việc yêu mị, hãy đi ngay ta không cần.” Khi đó cả ba Thiên nữ liền biến thành ba bà lão tóc bạc, mặt nhăn. Ma vương liền lấy lời ngon ngọt khuyến dụ: “Nếu như không thích cõi nhân gian thì ta sẽ bỏ ngôi trời và năm dục lạc mà dành tất cả cho ông.” Bồ-tát đáp: Nhà người trước kia tu ít hạnh Bồ thí, nay được làm Tự tại Thiên vương, phước này có kỳ hạn, hết rồi sẽ bị chìm đắm, đó không phải điều ta mong! Ma nói: Quả báo của ta thì ông đã biết, còn quả báo của ông thì ai biết? Bồ-tát đáp: “Chỉ đất này biết được!” Khi ấy cả đại địa đều chấn động mạnh. Địa thần từ dưới đất vọt lên báo Ma rằng: Từ xa xưa Bồ-tát đã đem đầu mặt tủy não, quốc thành, vợ con, voi ngựa, châu báu... đem bố thí nhiều không thể kể xiết là vì muốn cầu đạo vô thượng chân chánh, thế nên nay nhà người không nên phá rối. Ma vương nghe nói thì sợ hãi, liền nghĩ thầm: Ta nay phải dùng phương tiện tập hợp quân ma dùng sức bức hiếp. Lúc đó quân ma chột đầy khắp không trung, cầm kích, múa kiếm, nhiều đầu nhiều mắt, hình thù quái dị vây quanh Bồ-tát, bốn phương khói mịt, bốn biển sóng trào, quân ma dùng hết oai lực, như trợn mắt, nghiêng răng và bay đảo lung tung... nhưng Bồ-tát xem như trò đùa trẻ con. Thần ẩn mình trên không trung cất tiếng vang nói rằng: Bồ-tát đã trải nhiều kiếp tu tập thiện quả vì muốn cứu độ chúng sinh, ngày nay cơ sao các người dám quấy nhiễu Đạo sư. Hôm nay nhất định dưới gốc cây này Bồ-tát sẽ thành đạo Vô thượng. Đất đai này chính là tòa Kim cang của chư Phật quá khứ, đã từng nhận lấy các điều định, sức người không thể phá được. Các người hãy nên bỏ hết tánh kiêu mạn mà phụng thờ ngài. Khi nghe tiếng nói trên không trung thì Ma vương liền kéo về bản cung (kinh Nhân Quả). Ác ma Ba-tuần đem tám mươi ức chúng muốn đến phá hoại Phật, bảo rằng: “Ông không gấp ra đi ta sẽ ném ông xuống biển.” Phật bảo ma Ba-tuần rằng: Nhà người xô được cái bình tẩm này thì mới có thể ném ta xuống biển. Lúc đó ma Ba-tuần không lắc nổi chiếc bình nên quân ma bèn tan rã (kinh Tạt Bảo Tạng). Trưởng tử của ma Ba-tuần là Thượng Chủ đến đánh lễ Bồ-tát cầu xin sám hối bạch rằng: Cha con ngu muội dám xúc phạm đến Đại Thánh, mong ngài rộng lượng dung thứ (kinh Phật Bản Hạnh, từ trên là hàng Tiểu cơ thấy tướng hàng ma).

Lời thuật rằng: Các kinh đều nói: Ma Ba-tuần ở trên đỉnh trời Sáu dục, có cung điện riêng. Nay kinh Nhân Quả lại chỉ cho Tự tại Thiên vương. Như đây thì phải là cõi trời thứ sáu. Nay có hai sự khác biệt này là do người dịch dùng nghĩa không đồng vậy.

Phật thành đạo

Ngày bảy tháng hai, khi ác ma tan rã thì tâm Bồ-tát thanh tịnh sáng suốt bất động. Sau khi mặt trời lặn, ánh trăng trong suốt sáng trưng, muôn sao lấp lánh, trời mưa hoa báu và trời các loại nhạc dùng để cúng dường. Bồ-tát hàng ma xong thì phóng luồng ánh sáng lớn rồi nhập định suy tư Chân Đế, biết rõ các việc thiện ác đã tạo ra từ quá khứ, tuổi thọ dài ngắn, tất cả chúng sinh phải luân hồi trong năm đường không có chân thật, sinh ra khổ vui. Khi sao Mai vừa mọc thì hoác nhiên đại ngộ (tức sáng ngày mồng tám tháng hai) được chứng Vô thượng Chánh giác cao quý nhất (kinh Nhân Quả, đây là Tiểu thừa thấy về tướng thành đạo).

Ngày Đức Phật thành đạo thì Học Phạm vương sai sứ đến thưa với vua Tịnh Phạn rằng: Quý đệ vừa sinh một trai. Vua rất vui mừng bảo sứ rằng: Hôm nay ngày đại cát là trai nên đặt tên là A-nan (Hán dịch là Hoan Hỷ), làm lễ ăn mừng cả nước, lại gọi là Khánh Hỷ (theo Đại Luận). Cũng là năm Gia-du phu nhân sinh con trai tên là La-hầu-la (Hán dịch là Phú Chương do nghĩa ngăn che làm chương ngại). Lúc sinh La-hầu-la thì A-tu-la ăn mặt trăng, nhân đó mà đặt tên. Thuở xưa ngày Thái tử xuất gia đã chỉ tay vào bụng vợ bảo rằng cách sáu năm sau nàng sẽ sinh một con trai, từ đó có thai sáu năm mới sinh con (Thụy Ứng Kinh).

Lời thuật rằng: Đại thừa bỏ phần trụ thai mà hợp phần hàng ma với thành đạo. Còn Tiểu thừa thì tách hàng ma mà hợp trụ thai với thác thai. Trụ Thai thì thấy trong Khởi Tín Luận, còn hàng ma thì thấy ở Bốn Giáo Nghĩa mà trước đây đã luận thông suốt. Nay xem cả Đại Tiểu thừa thì đều có nói về trụ thai và hàng ma. Như Kinh Hoa Nghiêm nói: Bồ-tát trụ thai mẹ rồi thị hiện các tướng xuất gia, thành đạo... Đây là sự trụ thai của Đại thừa vậy. Kinh Nhân Quả thì nói: Bồ-tát ở trong thai mẹ mà đi đứng nằm ngồi, mỗi ngày có sáu thời nói pháp cho trời và quỷ thần nghe. Đây là sự trụ thai của Tiểu thừa vậy. Phẩm Ly Thế Gian trong kinh Hoa Nghiêm nói: Bồ-tát xuất gia, thành đạo, hàng ma, chuyển pháp luân... Còn Diệu Lạc thì nói: Bốn Phật đều có bốn tướng hàng ma. Đây là hàng ma của Đại thừa vậy. Kinh Nhân Quả nói: Hàng ma rồi liền nhập định, khi sao Mai mới mọc thì liền chứng bậc Chánh giác tối cao. Đây là việc hàng ma của Tiểu thừa.

Nay muốn thuận tám tướng mà nói nên phải thuận theo hai lời văn của Khởi Tín Luận và bốn Giáo Nghĩa tách ra hợp lại để làm chứng cứ.